

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK R'ÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05 - 41
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 6400036989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 05/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/07/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Ông Chu Văn Quyền	Thành viên
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Công	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Bạch Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Võ Thái	Trưởng ban
Ông Trần Quý Đạt	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Thế	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là ông Nguyễn Văn Thịnh - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh

Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk R'Tiê

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk R'Tiê được lập ngày 12 tháng 05 năm 2026, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk R'Tiê tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC




Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2026

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 14 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of  International

Nguyễn Thị Mỹ Lộc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 6335-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		407.263.138.970	531.995.329.378
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	957.646.574	9.711.621.392
111	1. Tiền		957.646.574	4.711.621.392
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	-	6.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	6.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		396.794.588.481	507.851.622.054
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	267.627.305.058	363.966.333.462
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	669.765.450	580.733.064
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	131.500.000.000	152.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	19.210.167.158	13.517.204.713
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(22.212.649.185)	(22.212.649.185)
140	IV. Hàng tồn kho	10	7.943.622.005	7.264.968.205
141	1. Hàng tồn kho		7.943.622.005	7.264.968.205
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.567.281.910	1.167.117.727
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.567.281.910	1.167.117.727
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.087.422.909.929	1.968.774.194.621
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.710.000	10.710.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	10.710.000	10.710.000
220	II. Tài sản cố định		1.301.887.695.076	1.374.284.438.426
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.056.574.407.847	1.121.471.806.761
222	- Nguyên giá		3.077.139.763.654	3.073.770.973.172
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.020.565.355.807)	(1.952.299.166.411)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	245.313.287.229	252.812.631.665
228	- Nguyên giá		455.109.882.508	455.109.882.508
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(209.796.595.279)	(202.297.250.843)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		18.636.519.803	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	18.636.519.803	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	04	753.363.576.356	570.796.887.495
251	1. Đầu tư vào công ty con		334.415.584.877	337.096.352.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		479.754.994.517	299.301.958.367
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(60.807.003.038)	(65.601.422.872)
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.524.408.694	23.682.158.700
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	13.524.408.694	23.682.158.700
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.494.686.048.899	2.500.769.523.999

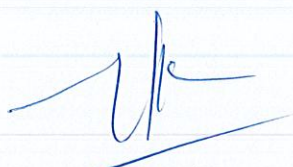
1105-00
HÀNH
IG TY T
G KIỂM
AAS
PHỐ H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.031.327.932.866	1.049.173.099.787
310	I. Nợ ngắn hạn		519.723.541.427	357.568.708.348
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	4.510.040.383	1.331.041.320
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	42.479.994.074	25.481.395.613
314	3. Phải trả người lao động		1.955.693.379	1.976.965.252
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.906.373.578	5.552.803.523
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	13.867.921.433	11.230.252.676
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	440.476.012.866	296.964.120.250
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.527.505.714	15.032.129.714
330	II. Nợ dài hạn		511.604.391.439	691.604.391.439
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	61.604.391.439	61.604.391.439
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	450.000.000.000	630.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.463.358.116.033	1.451.596.424.212
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.463.358.116.033	1.451.596.424.212
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		131.731.352.000	131.731.352.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.062.463.077	54.062.463.077
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		20.786.574.982	20.786.574.982
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		256.777.725.974	245.016.034.153
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		34.666.034.153	27.743.220.870
421b	LNST chưa phân phối năm nay		222.111.691.821	217.272.813.283
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.494.686.048.899	2.500.769.523.999

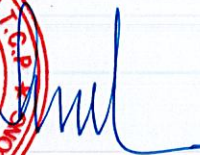


Nguyễn Thị Phượng
Người lập



Đoàn Hữu Nghĩa
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	723.850.774.371	682.213.732.831
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		723.850.774.371	682.213.732.831
11	4. Giá vốn hàng bán	23	242.328.782.302	212.542.129.503
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		481.521.992.069	469.671.603.328
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	49.233.299.642	20.181.610.570
22	7. Chi phí tài chính	25	52.627.377.755	72.907.845.420
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		57.421.797.589	49.858.881.205
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.855.023.531	17.123.500.298
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		466.272.890.425	399.821.868.180
31	11. Thu nhập khác	27	350.004.003	465.993.057
32	12. Chi phí khác	28	243.784.589	9.991.414.269
40	13. Lợi nhuận khác		106.219.414	(9.525.421.212)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		466.379.109.839	390.296.446.968
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	44.267.418.018	23.023.633.685
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>422.111.691.821</u>	<u>367.272.813.283</u>

Nguyễn Thị Phượng
Người lập

Đoàn Hữu Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		466.379.109.839	390.296.446.968
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		75.765.533.832	75.344.185.932
03	- Các khoản dự phòng		(4.794.419.834)	27.694.600.526
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(49.233.299.642)	(15.868.084.270)
06	- Chi phí lãi vay		57.421.797.589	49.858.881.205
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		545.538.721.784	527.326.030.361
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		97.027.212.503	41.204.889.597
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(678.653.800)	1.637.014.224
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.620.643.551	(105.789.598.465)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.757.585.823	10.487.247.600
14	- Tiền lãi vay đã trả		(57.058.710.912)	(54.285.360.241)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(30.527.621.283)	(25.540.286.939)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.854.624.000)	(20.977.048.132)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		555.824.553.666	374.062.888.005
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.005.310.285)	(11.162.297.616)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	126.197.333
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(676.900.000.000)	(487.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		703.400.000.000	559.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(180.453.036.150)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.680.767.123	23.290.584.251
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		42.763.120.712	21.325.571.530
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(130.514.458.600)	105.580.055.498

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		300.850.135.951	1.728.339.724.413
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(337.338.243.335)	(1.460.629.109.699)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(397.575.962.500)	(748.104.269.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(434.064.069.884)</i>	<i>(480.393.654.286)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.753.974.818)	(750.710.783)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.711.621.392	10.462.332.175
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>957.646.574</u>	<u>9.711.621.392</u>

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Đoàn Hữu Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 6400036989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 05/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/07/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.000.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2025 là 1.000.000.000.000 VND; tương đương 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 96 người (tại ngày 01/01/2025 là 96 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện);
- Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, đầu tư thủy điện);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Tư vấn giám sát: Xây dựng dân dụng, công nghiệp và giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (chi tiết: Kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị và dụng cụ điện);
- Đào tạo trung cấp; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị nhà máy điện.



2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

05-0
NHÀ
TY T
KIỂM
AS
07H

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

<u>Văn bản</u>	<u>Các ưu đãi thuế</u>	<u>Thời hạn hiệu lực</u>
Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 320/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025	Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền tải điện.	Đến hết năm 2026

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với thu nhập phát sinh từ nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê;
- Thuế suất 20% đối với các thu nhập còn lại.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng và bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	186.716.917	47.066.156
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	770.929.657	4.664.555.236
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
	957.646.574	9.711.621.392

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	6.000.000.000	-
	-	-	6.000.000.000	-



Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tính

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025				
	Mã CK	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con		334.415.584.877					
Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng		2.150.000.000	(60.807.003.038)		337.096.352.000	(65.601.422.872)	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar		211.731.352.000	(60.807.003.038)		2.150.000.000	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich		120.534.232.877	-		211.731.352.000	(65.601.422.872)	
Đầu tư vào đơn vị khác		479.754.994.517	531.897.774.000				
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ⁽ⁱ⁾	SHP	479.754.994.517	531.897.774.000		299.301.958.367	361.843.443.800	
		814.170.579.394	(60.807.003.038)		636.398.310.367	(65.601.422.872)	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam là giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025. Ngoài khoản đầu tư này, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch mua 5.163.177 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam với giá phí đầu tư ban đầu là 185.616.213.150 VND. Sau giao dịch trên, tại ngày 31/12/2025, Công ty đang sở hữu 15.621.080 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
Trong đó, khoản cổ tức trước giải đoạn đầu tư tương ứng đã nhận được trong năm ghi giảm giá gốc khoản đầu tư là 5.163.177.000 VND.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong năm:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng	Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	100,00%	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	Phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng	70,56%	70,56%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich	Xã Phú Sơn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	58,91%	58,91%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh	15,43%	15,43%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện



5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	15.228.895.036	(15.228.895.036)	15.228.895.036	(15.228.895.036)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	15.228.895.036	(15.228.895.036)	15.228.895.036	(15.228.895.036)
Bên khác	252.398.410.022	(603.014.732)	348.737.438.426	(603.014.732)
Công ty Mua bán điện	251.795.395.290	-	348.134.423.694	-
Các đối tượng khác	603.014.732	(603.014.732)	603.014.732	(603.014.732)
	267.627.305.058	(15.831.909.768)	363.966.333.462	(15.831.909.768)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Công nghiệp Đông Dương	514.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện và Môi trường Quốc tế	-	-	219.200.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Thủy điện	-	-	152.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị Công nghiệp Sài Gòn	-	-	55.483.064	-
Các đối tượng khác	155.765.450	(115.500.000)	153.550.000	(115.500.000)
	669.765.450	(115.500.000)	580.733.064	(115.500.000)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan						
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar ⁽¹⁾	24.000.000.000	-	10.000.000.000	-	34.000.000.000	-
Bà Hoàng Thị Anh Trang ⁽²⁾	-	-	246.100.000.000	231.100.000.000	15.000.000.000	-
Bà Vũ Ngọc Đan Thanh ⁽³⁾	-	-	155.000.000.000	142.500.000.000	12.500.000.000	-
Ông Đặng Việt Dũng ⁽⁴⁾	-	-	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-
Bà Nguyễn Hồng Phương ⁽⁵⁾	-	-	42.400.000.000	27.400.000.000	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich	-	-	900.000.000	900.000.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	38.000.000.000	-	62.500.000.000	100.500.000.000	-	-
Ông Bùi Quốc Trung	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000	-	-
Bà Đình Thị Thủy	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Bà Đặng Phương Thảo	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trung Việt	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
	152.000.000.000	-	676.900.000.000	697.400.000.000	131.500.000.000	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiết

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay:**

Hợp đồng vay	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức bảo đảm	Số dư tại 31/12/2025
Bên liên quan					
Hợp đồng vay tiền số 02/2024/HĐVT ngày 23/09/2024 và Phụ lục số 02/2024/HĐVT-PL225 ngày 22/05/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	Đến ngày 30/06/2026	Tín chấp	10.000.000.000
Hợp đồng vay tiền số 04/2024/HĐVT/DaHC-DAKKAR ngày 10/12/2024 và Phụ lục số 04/2024/HĐVT-PL225 ngày 22/05/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	Đến ngày 30/06/2026	Tín chấp	14.000.000.000
Hợp đồng vay tiền số 07/2025/HĐVT/DaHC-DAKKAR ngày 26/03/2025 và Phụ lục số 07/2024/HĐVT-PL225 ngày 22/05/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	Đến ngày 30/06/2026	Tín chấp	10.000.000.000
Hợp đồng vay tiền số 30/2025/DaHC-CN ngày 27/11/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	03 tháng và tự động tái tục	Đảm bảo bằng cổ phần do Tổng Công ty IDICO - Công ty Cổ phần phát hành thuộc sở hữu của Bên vay đã dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ nợ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu số 0255/VCBTDN/KHDN/25/HĐBB.	5.000.000.000
Hợp đồng vay tiền số 10.12/2025/DaHC-CN ngày 10/12/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,2%/năm	06 tháng và tự động tái tục	(Xem thêm tại Quyết minh số 19)	10.000.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay:

Hợp đồng vay	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức bảo đảm	Số dư tại 31/12/2025
(3) Bà Vũ Ngọc Đan Thanh Hợp đồng vay tiền số 20/2025/DaHC- CN ngày 24/10/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	01 tháng và tự động tái tục	(*)	12.500.000.000
(4) Ông Đặng Việt Dũng Hợp đồng vay tiền số 28/2025/DaHC- CN ngày 25/11/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	06 tháng và tự động tái tục	(*)	55.000.000.000
(5) Bà Nguyễn Hồng Phương Hợp đồng vay tiền số 15.12/2025/DaHC-CN ngày 15/12/2025	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	7,1%/năm	01 tháng và tự động tái tục	(*)	15.000.000.000
					131.500.000.000

(*) Các hợp đồng cho vay với cá nhân được đảm bảo bằng cổ phần do Tổng Công ty IDICO - Công ty Cổ phần phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê nhà Tân Bách Việt đã dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu số 0254/VCBTDN/KHDN/25/HĐBĐ (Xem thêm tại *Thuyết minh số 19*).

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.831.729.004	(6.019.975.280)	6.841.550.074	(6.019.975.280)
Tạm ứng	3.934.000.000	-	5.734.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
Cổ tức phải thu	6.480.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.949.438.154	(245.264.137)	926.654.639	(245.264.137)
	19.210.167.158	(6.265.239.417)	13.517.204.713	(6.265.239.417)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	14.499.975.280	(6.019.975.280)	8.313.443.773	(6.019.975.280)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	6.019.975.280	(6.019.975.280)	6.019.975.280	(6.019.975.280)
Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich	6.480.000.000	-	-	-
Ông Võ Thái	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	-	-	293.468.493	-
Bên khác	4.710.191.878	(245.264.137)	5.203.760.940	(245.264.137)
Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh	620.149.779	-	620.149.779	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.036.639.273	-	61.240.723	-
Ông Nguyễn Việt Xuân	1.500.000.000	-	1.300.000.000	-
Các đối tượng khác	1.553.402.826	(245.264.137)	3.222.370.438	(245.264.137)
	19.210.167.158	(6.265.239.417)	13.517.204.713	(6.265.239.417)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	10.710.000	-	10.710.000	-
	10.710.000	-	10.710.000	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng	15.831.909.768	-	15.831.909.768	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	15.228.895.036	-	15.228.895.036	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	489.291.194	-	489.291.194	-
Nguyễn Thị Ngọc	113.723.538	-	113.723.538	-
Trả trước cho người bán	115.500.000	-	115.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Đại Thiên Ngân	115.500.000	-	115.500.000	-
Phải thu khác	6.265.239.417	-	6.265.239.417	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	6.019.975.280	-	6.019.975.280	-
Công ty Cổ phần Đông Quỳnh Biên	245.264.137	-	245.264.137	-
	22.212.649.185	-	22.212.649.185	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	289.817.920	-	219.003.182	-
Công cụ, dụng cụ	7.653.804.085	-	7.045.965.023	-
	7.943.622.005	-	7.264.968.205	-

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.105.587.371.878	954.850.704.778	10.384.936.455	2.947.960.061	3.073.770.973.172
- Mua trong năm	-	3.043.515.482	-	325.275.000	3.368.790.482
Số dư cuối năm	2.105.587.371.878	957.894.220.260	10.384.936.455	3.273.235.061	3.077.139.763.654
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	998.056.485.386	943.151.845.984	8.553.965.740	2.536.869.301	1.952.299.166.411
- Khấu hao trong năm	65.142.444.008	2.098.493.118	828.863.563	196.388.707	68.266.189.396
Số dư cuối năm	1.063.198.929.394	945.250.339.102	9.382.829.303	2.733.258.008	2.020.565.355.807
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.107.530.886.492	11.698.858.794	1.830.970.715	411.090.760	1.121.471.806.761
Tại ngày cuối năm	1.042.388.442.484	12.643.881.158	1.002.107.152	539.977.053	1.056.574.407.847

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.019.361.298.823 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 952.152.612.771 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	454.685.202.102	424.680.406	455.109.882.508
Số dư cuối năm	454.685.202.102	424.680.406	455.109.882.508
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	201.919.359.309	377.891.534	202.297.250.843
- Khấu hao trong năm	7.452.555.564	46.788.872	7.499.344.436
Số dư cuối năm	209.371.914.873	424.680.406	209.796.595.279
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	252.765.842.793	46.788.872	252.812.631.665
Tại ngày cuối năm	245.313.287.229	-	245.313.287.229

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 245.313.287.229 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 424.680.406 VND.

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Xử lý sạt lở khu vực dự án nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê	13.468.526.104	-
Xử lý chống thấm bờ phải kênh dẫn nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê	4.754.228.308	-
Hạng mục sửa chữa khác	413.765.391	-
	18.636.519.803	-

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	1.176.207.511	1.167.117.727
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	391.074.399	-
	1.567.281.910	1.167.117.727
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	553.908.001	1.068.798.186
Chi phí sửa chữa lớn	12.191.995.973	20.576.473.527
Chi phí sửa chữa khu tái định cư	53.321.647	2.036.886.987
Chi phí trả trước dài hạn khác	725.183.073	-
	13.524.408.694	23.682.158.700

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Thoa Phúc	1.493.739.847	1.493.739.847	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị Công nghiệp Sài Gòn	609.814.150	609.814.150	-	-
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Thiên Hoàng Gia	547.806.024	547.806.024	599.461.573	599.461.573
Công ty TNHH Carbone Việt Nam	-	-	167.940.000	167.940.000
Các đối tượng khác	1.858.680.362	1.858.680.362	563.639.747	563.639.747
	4.510.040.383	4.510.040.383	1.331.041.320	1.331.041.320

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.178.739.039	54.709.715.320	53.948.401.841	-	2.940.052.518	-	-	-	2.940.052.518
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	19.300.213.219	43.553.537.632	30.527.621.283	-	32.326.129.568	-	-	-	32.326.129.568
Thuế Thu nhập cá nhân	-	636.501.834	4.161.286.507	4.367.184.668	-	430.603.673	-	-	-	430.603.673
Thuế Tài nguyên	-	2.507.500.713	81.974.358.871	79.906.997.531	-	4.574.862.053	-	-	-	4.574.862.053
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	858.440.808	35.974.234.522	34.624.329.068	-	2.208.346.262	-	-	-	2.208.346.262
	-	25.481.395.613	220.373.132.852	203.374.534.391	-	42.479.994.074	-	-	-	42.479.994.074

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.344.340.839	4.981.254.162		
Trích trước chi phí quản lý vận hành, xử lý sự cố thiết bị viễn thông, đường dây	383.921.824	383.921.824		
Chi phí phải trả khác	178.110.915	187.627.537		
	5.906.373.578	5.552.803.523		

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	67.544.300	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.653.121.742	11.229.084.242
Các khoản phải trả, phải nộp khác	147.255.391	1.168.434
	13.867.921.433	11.230.252.676
b) Dài hạn		
Phải trả Công ty Beijing IWHR Corporation chi phí liên quan đến giá trị quyết toán công trình Nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh (*)	60.402.708.907	60.402.708.907
Phải trả Công ty Cổ phần 389 chi phí liên quan đến giá trị quyết toán công trình Nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh	1.201.682.532	1.201.682.532
	61.604.391.439	61.604.391.439
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
Ông Chu Văn Quyền	146.086.957	-
	146.086.957	-

(*) Theo Biên bản bàn giao Nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh ngày 29/05/2015 giữa Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần (CC1) với Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tíh (DaHC) thì khoản nợ phải trả cho Công ty Beijing IWHR Corporation bao gồm khoản tạm thu bảo lãnh thực hiện Hợp đồng số DT-01 TBCD của nhà thầu IWHR Corporation Trung Quốc với số tiền 1.489.890 USD (tương đương 31.034.408.700 VND) và khoản công nợ dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tíh còn phải trả cho Công ty Beijing IWHR Corporation số tiền 29.368.300.207 VND. Khoản tạm thu bảo lãnh được Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần chuyển lại cho Công ty giữ để thực hiện các nghĩa vụ còn lại với nhà thầu IWHR Corporation (nếu có).

Mọi tranh chấp sau này với nhà thầu IWHR Corporation do CC1 và DaHC cùng chịu trách nhiệm và chi phí phát sinh sẽ sử dụng số tiền trên chi trả. Khi chi phí vượt số tiền trên thì hai bên cùng thương thảo, nếu không có tranh chấp xảy ra, số tiền trên sẽ được hạch toán giảm giá trị đầu tư dự án nhà máy thủy điện Đắk R'Tíh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa liên lạc được với Công ty Beijing IWHR Corporation nên chưa thể thương thảo và xác định các nghĩa vụ liên quan đến khoản công nợ phải trả này.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc tại 31/12/2025
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	Theo từng Giấy nhận nợ	Theo từng Giấy nhận nợ	Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy	(*)	80.476.012.866
(2) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	Theo từng Giấy nhận nợ	Theo từng Giấy nhận nợ	Vay vốn phục vụ nhu cầu đầu tư kinh doanh cổ phiếu (mua cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam)	Thế chấp 5.354.300 Cổ phiếu doanh nghiệp niêm yết IDC của Tổng Công ty IDICO - CTCP thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê nhà Tân Bách Việt theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu số 0254/VCBTDN/KHDN/25/HĐBĐ. Thế chấp 3.135.700 Cổ phiếu doanh nghiệp niêm yết IDC của Tổng Công ty IDICO - CTCP thuộc quyền sở hữu của bà Hoàng Thị Anh Trang và ông Bùi Tiến Dũng theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu số 0255/VCBTDN/KHDN/25/HĐBĐ.	180.000.000.000

260.476.012.866

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc tại 31/12/2025
(3) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 225/2024-HDDCVDDADDT/ NHCT320-DAHC ngày 22/05/2024	7,0%/năm	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk R'Tinh	(*) 630.000.000.000 VND

630.000.000.000
(180.000.000.000)
450.000.000.000

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

(*) Tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2024/HĐBĐ/NHCT320-DAKTIH ngày 03/06/2024:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đắk Nông cấp ngày 31/07/2018 cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tinh:

- + Số CN295874 thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03038;
- + Số CN295875 thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03039;
- + Số CN295882 thuộc thửa đất số 04 và 05 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03040;
- + Số CN295883 thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03041;
- + Số CN295884 thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03042;
- + Số CN295885 thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03043;
- + Số CN295886 thuộc thửa đất số 02 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03044;
- + Số CN295887 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03045;
- + Số CN295888 thuộc thửa đất số 02 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03046;
- + Số CN295891 thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03047;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA122958 thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00040 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đắk Nông cấp ngày 30/06/2010 cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'tinh;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đắk Nông cấp ngày 02/07/2010 cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'tinh:

- + Số BA122962 thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00044;
- + Số BA122963 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ số 00, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00045.



20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	640.865.516.102	1.847.445.906.161
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	367.272.813.283	367.272.813.283
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.122.295.232)	(10.122.295.232)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trả cổ tức 2023	-	-	-	-	(600.000.000.000)	(600.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức 2024	-	-	-	-	(150.000.000.000)	(150.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	245.016.034.153	1.451.596.424.212
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	245.016.034.153	1.451.596.424.212
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	422.111.691.821	422.111.691.821
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(7.350.000.000)	(7.350.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Chia cổ tức 2024 (*)	-	-	-	-	(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức 2025 (*)	-	-	-	-	(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	131.731.352.000	54.062.463.077	20.786.574.982	256.777.725.974	1.463.358.116.033



(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.350.000.000
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	3.000.000.000
Chi trả cổ tức năm 2024	350.000.000.000
<i>Trong đó:</i>	
- Cổ tức tạm ứng năm 2024	150.000.000.000
- Cổ tức chi trả trong năm 2025 ⁽¹⁾	200.000.000.000
Tạm ứng cổ tức năm 2025 ⁽²⁾	200.000.000.000

⁽¹⁾ Hội đồng quản trị đã thông qua phương án chi trả cổ tức còn lại của năm 2024 bằng tiền cho các cổ đông Công ty với tỷ lệ chi trả cổ tức 20% (01 cổ phiếu nhận được 2.000 VND) theo Nghị quyết HĐQT số 10/2025/NQ-HĐQT ngày 02/06/2025.

⁽²⁾ Hội đồng quản trị đã thông qua phương án chi tạm ứng cổ tức năm 2025 cho các cổ đông Công ty với tỷ lệ chi trả cổ tức 20% (01 cổ phiếu nhận được 2.000 VND) theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2025/NQ-HĐQT ngày 24/10/2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %	Cuối năm VND
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	46,77	467.673.620.000	46,77
Công ty TNHH Công nghệ cao Tuấn Long Việt Nam	16,03	160.278.640.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	10,00	100.000.000.000	10,00	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt	5,59	55.903.650.000	5,59	55.903.650.000
Ông Đinh Văn Long	-	-	16,03	160.278.640.000
Các cổ đông khác	21,61	216.144.090.000	21,61	216.144.090.000
	100	1.000.000.000.000	100	1.000.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	11.229.084.242	9.333.353.242
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	400.000.000.000	750.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	200.000.000.000	600.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	200.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(397.575.962.500)	(748.104.269.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>13.653.121.742</u>	<u>11.229.084.242</u>
d) Cổ phần		
	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
- Cổ phần phổ thông	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Cổ phần phổ thông	100.000.000	100.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		
e) Các quỹ công ty		
	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	54.062.463.077	54.062.463.077
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.786.574.982	20.786.574.982
	<u>74.849.038.059</u>	<u>74.849.038.059</u>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng làm việc tại Tầng 32 Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê lại văn phòng số 05/2023/HĐC'TVP ngày 01/10/2023. Tổng diện tích thuê là 12 m², thời hạn thuê là 36 tháng từ ngày 01/10/2023 đến ngày 30/09/2026. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê cho đến ngày đáo hạn hợp đồng.

b) Các thông tin khác

Công ty đang thực hiện bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich tại Ngân hàng Sinopac theo Nghị quyết của Hội Đồng quản trị số 13/2024/NQ-HĐQT ngày 08/07/2024.

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện	723.841.515.112	682.204.473.572
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.259.259	9.259.259
	<u>723.850.774.371</u>	<u>682.213.732.831</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn điện đã bán	242.328.782.302	212.542.129.503
	242.328.782.302	212.542.129.503

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.809.309.265	8.367.796.918
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.423.990.377	11.783.124.749
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	30.688.903
	49.233.299.642	20.181.610.570
Trong đó: Nhận từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	48.020.645.422	8.152.517.809

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	57.421.797.589	49.858.881.205
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm (Hoàn nhập) / Dự phòng tổn thất đầu tư	(4.794.419.834)	12.272.046
	52.627.377.755	72.907.845.420
Trong đó: Chi trả cho các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	8.021.918	6.823.287.672

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	520.306.631	507.296.608
Chi phí nhân công	8.178.734.984	8.115.154.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	391.649.988	399.774.818
Chi phí dự phòng	-	4.657.908.357
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.320.128.568	2.462.113.315
Chi phí khác bằng tiền	1.441.203.360	978.252.719
	11.855.023.531	17.123.500.298
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	-	64.260.000

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	109.878.336
Thu nhập từ hoàn trả tiền ứng hộ	350.000.000	-
Thu nhập khác	4.003	356.114.721
	350.004.003	465.993.057
Trong đó: Thu nhập từ các bên liên quan	-	447.399.249
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>		

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí xử lý các dự án tồn đọng	202.962.963	8.797.992.394
Chi phí cho thuê nhà xưởng	12.121.220	71.577.612
Các khoản truy thu, bị phạt	28.698.284	1.070.744.263
Chi phí khác	2.122	51.100.000
	243.784.589	9.991.414.269

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	466.379.109.839	390.296.446.968
Các khoản điều chỉnh tăng	768.006.330	17.586.958.111
- Chi phí không hợp lệ	653.791.326	10.094.553.025
- Chi phí lãi vay không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	7.378.190.082
- Chi phí khấu hao TSCĐ	114.215.004	114.215.004
Các khoản điều chỉnh giảm	(36.423.990.377)	(11.783.124.749)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(36.423.990.377)	(11.783.124.749)
Thu nhập chịu thuế TNDN	430.723.125.792	396.100.280.330
- Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN	418.772.071.401	375.452.676.703
- Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN	11.951.054.391	20.647.603.627
Chi phí thuế TNDN hiện hành	44.267.418.018	22.902.154.560
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN được ưu đãi thuế TNDN (thuế suất 10%)	41.877.207.140	37.545.267.670
- Chi phí thuế TNDN không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	2.390.210.878	4.129.520.725
- Chi phí thuế TNDN được miễn giảm (giảm 50% chi phí thuế TNDN theo thuế suất 10%)	-	(18.772.633.835)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	121.479.125
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	(713.880.386)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	19.300.213.219	21.816.866.473
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(30.527.621.283)	(25.540.286.939)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	32.326.129.568	19.300.213.219

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.430.036.034	7.013.148.644
Chi phí nhân công	34.076.052.892	31.919.152.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.753.412.612	75.272.608.320
Chi phí dự phòng	-	4.657.908.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.184.244.633	11.898.447.011
Chi phí khác bằng tiền	129.740.059.662	98.904.365.075
	254.183.805.833	229.665.629.801

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	531.897.774.000	531.897.774.000
	-	-	531.897.774.000	531.897.774.000
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	361.843.443.800	361.843.443.800
	-	-	361.843.443.800	361.843.443.800

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	770.929.657	-	-	770.929.657
Phải thu khách hàng, phải thu khác	264.740.323.031	10.710.000	-	264.751.033.031
Các khoản cho vay	131.500.000.000	-	-	131.500.000.000
	397.011.252.688	10.710.000	-	397.021.962.688
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.664.555.236	-	-	9.664.555.236
Phải thu khách hàng, phải thu khác	355.386.388.990	10.710.000	-	355.397.098.990
Các khoản cho vay	158.000.000.000	-	-	158.000.000.000
	523.050.944.226	10.710.000	-	523.061.654.226

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	440.476.012.866	450.000.000.000	-	890.476.012.866
Phải trả người bán, phải trả khác	18.377.961.816	61.604.391.439	-	79.982.353.255
Chi phí phải trả	5.906.373.578	-	-	5.906.373.578
	464.760.348.260	511.604.391.439	-	976.364.739.699
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	296.964.120.250	630.000.000.000	-	926.964.120.250
Phải trả người bán, phải trả khác	12.561.293.996	61.604.391.439	-	74.165.685.435
Chi phí phải trả	5.552.803.523	-	-	5.552.803.523
	315.078.217.769	691.604.391.439	-	1.006.682.609.208

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	300.850.135.951	1.728.339.724.413
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	337.338.243.335	1.460.629.109.699

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt	Cổ đông lớn
- Công ty TNHH Công nghệ Cao Tuấn Long Việt Nam	Cổ đông lớn
- Ông Đinh Văn Long	Cổ đông lớn (Trong năm đã chuyển nhượng cổ phần)
- Công ty TNHH Kinh doanh và Cho thuê Nhà Tân Bách Việt	Cùng chủ sở hữu với cổ đông lớn là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt
- Bà Nguyễn Hồng Phương	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Bà Vũ Ngọc Đan Thanh	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Ông Bùi Quốc Trung	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Ông Đặng Việt Dũng	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Bà Hoàng Thị Anh Trang	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Bà Đinh Thị Thúy	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Bà Đặng Phương Thảo	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trung Việt	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty TNHH Đầu tư TAD Sài Gòn	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Giáo dục SSG	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Idergy	Bên liên quan của Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Ông Nguyễn Văn Thịnh là Thành viên Hội đồng quản trị và Ông Võ Thái là Trưởng ban kiểm soát
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar	Công ty con
- Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng	Công ty con
- Công ty Cổ phần Thủy điện Liên Gich	Công ty con
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Chu Văn Quyền	Thành viên HĐQT	180.000.000	390.000.000
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên HĐQT	180.000.000	282.500.000
Ông Nguyễn Hoàng Công	Thành viên HĐQT	180.000.000	282.500.000
Ông Bạch Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc	402.505.000	832.180.000
Ông Võ Thái	Trưởng ban kiểm soát	120.000.000	90.000.000
Ông Trần Quý Đạt	Thành viên BKS	96.000.000	68.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thế	Thành viên BKS	96.000.000	68.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Đoàn Hữu Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 05 năm 2026